

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04/3/2021

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Phương Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan
Bà Trần Thị Minh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 820/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Hoàng Văn T**, sinh năm 1982;

Hộ khẩu thường trú: số .., nhà .., đường .., tổ 7, phường P, quận T, Hà Nội.

Nơi cư trú: số nhà .., ngõ .. đường L, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1977;

Hộ khẩu thường trú: số .., nhà .., đường G, tổ 7, phường P, quận T, Hà Nội.

Nơi cư trú: số nhà .., ngõ .. đường L, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 25/5/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hoàng Văn T trình bày: Anh và chị Phạm Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/3/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Tổng Phan, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở nhiều nơi sau đó chuyển về sống tại số nhà .., ngõ .. đường L, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H không chung thủy, vợ chồng ly thân từ tháng 11/2020 đến nay. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Phạm Thị H.

- Về con chung: Anh và chị Phạm Thị H không có con chung.
- Về tài sản chung: Anh và chị Phạm Thị H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Anh và chị Phạm Thị H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là chị Phạm Thị H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập phiên tòa để đương sự được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng chị H không gửi văn bản trình bày ý kiến của chị đối với các yêu cầu của anh T, không đến Tòa án để làm bản tự khai, không gửi tài liệu, chứng cứ, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và thu thập tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn là anh Hoàng Văn T trình bày: mâu thuẫn giữa anh và chị Phạm Thị H đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên anh vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị H. Về con chung: Anh xác nhận anh và chị H không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung: anh xác nhận anh và chị H không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành việc triệu tập của Tòa án, vi phạm quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thấy rằng mâu thuẫn giữa anh T và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị H. Về con chung: anh T và chị H không có con chung, nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Anh Hoàng Văn T có đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2020 về việc xin ly hôn chị Phạm Thị H. Chị Phạm Thị H cư trú tại số nhà ..., ngõ ... đường L, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án “Ly hôn” giữa nguyên đơn là anh Hoàng Văn T và bị đơn là chị Phạm Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Xét tại phiên tòa hôm nay, chị Phạm Thị H đã được tổng đạt phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn T và chị Phạm Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/3/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Tổng Phan, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên, nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H là hợp pháp.

Theo anh T trình bày, sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H không chung thủy, vợ chồng ly thân từ tháng 11/2020 đến nay. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H. Xét thấy, anh T và chị H đã không còn chung sống từ tháng 11/2020, không thực hiện các nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân gia đình là thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng chị H không đến Tòa án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn, không tham gia phiên hòa giải, phiên tòa, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến, thể hiện chị H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào

khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T, cho anh T được ly hôn chị H.

[3] Về con chung: anh T xác nhận anh và chị H không có con chung, nên Tòa án không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: anh T xác nhận anh và chị H không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị H không có lời khai về phần này. Do vậy Tòa án không xem xét và giành quyền khởi kiện cho chị H bằng một vụ án khác nếu chị có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tại phiên tòa phù hợp với pháp luật, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Hoàng Văn T đối với chị Phạm Thị H.

Anh Hoàng Văn T được ly hôn chị Phạm Thị H.

2. Về con chung: Anh Hoàng Văn T xác nhận vợ chồng không có con chung, nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Hoàng Văn T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị Phạm Thị H không có lời khai; do vậy Tòa án không xem xét và giành quyền khởi kiện cho chị Phạm Thị H bằng một vụ án khác nếu chị H có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Hoàng Văn T đã nộp theo biên lai thu số 0006140 ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

5. Quyền kháng cáo: Anh Hoàng Văn T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Phạm Thị H vắng mặt có

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai;
- Chi cục Thi hành án DS quận Hoàng Mai;
- Ủy ban nhân dân xã Tổng Phan, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên (GCNKH số 22 ngày 23/3/2012);
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Phương Minh